

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 3 - 2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.

2. Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Huỳnh Bảo Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 364/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 và định hoãn phiên tòa số: 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Bé N, sinh năm 1986; Địa chỉ: số nhà B, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Phước H, sinh năm 1986; Địa chỉ: số nhà D, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2026 nguyên đơn Dương Thị Bé N trình bày: Chị Dương Thị Bé N và anh Lương Phước H sống chung với nhau như vợ chồng vào đầu năm 2019, đến tháng 9 năm 2019 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 13/9/2019. Sau khi kết hôn, chị N và anh H sống hạnh phúc được một thời gian dài đến đầu năm 2025 thì mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân là do anh H không quan tâm và lo cho vợ con, anh H chơi cờ bạc và khi chị Nguyễn K

ngăn thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị N và anh H xa nhau và ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Dương Thị Bé N yêu cầu ly hôn với anh Lương Phước H. Quá trình sống chung thì chị N và anh H có 01 con chung tên Lương Thanh V, sinh ngày 20/6/2019 hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu V, chị Nguyễn K1 yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Lương Phước H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên họp công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử vụ án và anh Lương Phước H cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị Bé N.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Bé N, cho chị Dương Thị Bé N được ly hôn với anh Lương Phước H; Về con chung: Chị Nguyễn yêu C được nuôi con chung tên Lương Thanh V, sinh ngày 20/6/2019 hiện đang sống với chị N, chị Nguyễn K1 yêu cầu anh H cấp dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của chị N là phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, giao con chung tên Lương Thanh V, sinh ngày 20/6/2019 hiện đang sống với chị N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn K1 yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về tài sản, nợ chung: không có, chị Nguyễn K1 yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị Bé N yêu cầu được ly hôn với anh Lương Phước H, yêu cầu được nuôi con chung tên Lương Thanh V, sinh ngày 20/6/2019 hiện đang sống với chị N, chị Nguyễn K1 yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ pháp luật được xác định là hôn, tranh chấp về nuôi con

khi ly hôn”. Bị đơn Lương Phước H có địa chỉ thường trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tụng dân sự.

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lương Phước H đến phiên toà lần thứ hai nhưng anh Lương Phước H vắng mặt không có lý do. Chị Dương Thị Bé N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh H

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Bé N và anh Lương Phước H kết hôn với nhau vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 13/9/2019 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị N trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không quan tâm và lo cho vợ con, anh H chơi cờ bạc và khi chị Nguyễn K ngăn thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị N và anh H xa nhau và ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Dương Thị Bé N yêu cầu được ly hôn với anh Lương Phước H. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Như vậy, việc vắng mặt của anh Lương Phước H được xem là từ bỏ quyền trình bày của mình và bỏ mặc cuộc hôn nhân này.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Bé N đối với anh Lương Phước H.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung thì chị N và anh H có 01 con chung tên Lương Thanh V, sinh ngày 20/6/2019 hiện đang sống với chị N. Do đó, chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu V, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Còn anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung. Xét thấy cháu V hiện đang sống với chị N. Do đó, để ổn định cuộc sống cho con chung. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lương Thanh V, sinh ngày 20/6/2019 cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn K1 yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, còn anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn K1 yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng chị N và anh H trong vụ kiện này.

[2.5] Về nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Bé N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[4] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Bé N và anh Lương Phước H có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật nhân và đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Bé N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị Bé N được ly hôn với anh Lương Phước H.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lương Thanh V, sinh ngày 20/6/2019 hiện đang sống với chị N cho chị Dương Thị Bé N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

2. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Dương Thị Bé N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007617 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Bé N và anh Lương Phước H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV 7 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Tháp (CNKH số 52 ngày 13/9/2019) (biết);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Nhứt Minh